

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 224/2026/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2026 về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

- Anh **Đỗ Văn C**, sinh năm 1990; địa chỉ: 3 Đ, phường P, thành phố H; căn cước công dân số: 046090012225.

- Chị **Trần Thị Ái H**, sinh năm 1993; địa chỉ: P, KN B, Chung cư X, phường V, thành phố H; căn cước công dân số: 046193003364.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh **Đỗ Văn C** và chị **Trần Thị Ái H** tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (cũ) vào ngày 26/10/2022 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh C và chị H chung sống tại địa chỉ: phòng D, KN B, Chung cư X, phường V, thành phố H. Thời gian đầu mới kết hôn thì cuộc sống vợ chồng bình thường. Tuy nhiên sau một khoảng thời gian sau, vợ chồng anh C, chị H chung sống không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, không tìm được tiếng nói chung. Hai vợ chồng đã không còn chung sống với nhau từ tháng 01 năm 2026 cho đến nay. Nay vợ chồng không còn tình cảm nên hai người làm đơn đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét việc thuận tình ly hôn của anh **Đỗ Văn C** và chị **Trần Thị Ái H** là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên cần công nhận sự thuận tình ly hôn của anh **Đỗ Văn C** và chị **Trần Thị Ái H**.

[2]. Về con chung: Anh **Đỗ Văn C** và chị **Trần Thị Ái H** xác nhận có 01 (một) con chung là cháu **Đỗ Hữu K**, sinh ngày 08/12/2022. Anh **Đỗ Văn C** và chị **Trần Thị Ái H** thỏa thuận về người nuôi con chung như sau: Giao cháu **Đỗ Hữu K** cho anh **Đỗ Văn C** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu K thành niên (đủ 18 tuổi), chị H không cấp dưỡng nuôi cháu K.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3]. Về tài sản chung: Anh Đỗ Văn C và chị Trần Thị Ái H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về nợ chung: Anh Đỗ Văn C và chị Trần Thị Ái H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng. Anh Đỗ Văn C và chị Trần Thị Ái H mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án 300.000 đồng mà anh chị đã nộp theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001044 ngày 06/4/2026 của Thi hành án Dân sự thành phố H. Anh Đỗ Văn C và chị Trần Thị Ái H đã nộp đủ.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Văn C và chị Trần Thị Ái H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Đỗ Văn C và chị Trần Thị Ái H xác nhận có 01 (một) con chung là cháu Đỗ Hữu K, sinh ngày 08/12/2022. Anh Đỗ Văn C và chị Trần Thị Ái H thỏa thuận về người nuôi con chung như sau: Giao cháu Đỗ Hữu K cho anh Đỗ Văn C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu K thành niên (đủ 18 tuổi), chị H không cấp dưỡng nuôi cháu K.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh Đỗ Văn C và chị Trần Thị Ái H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nghĩa vụ về tài sản (nợ) chung: Anh Đỗ Văn C và chị Trần Thị Ái H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng. Anh Đỗ Văn C và chị Trần Thị Ái H mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án 300.000 đồng mà anh chị đã nộp theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001044 ngày 06/4/2026 của Thi hành án Dân sự thành phố H. Anh Đỗ Văn C và chị Trần Thị Ái H đã nộp đủ.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Huế;
- Dương sự;
- VKSND Khu vực 1-Huế;
- UBND phường Phú Xuân;
- (ĐKKH số 106 ngày 26/10/2022,
- UBND phường Thuận Lộc cũ)
- THADS thành phố Huế;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Vũ Tiến